



hóng xīn

红心

noun · red heart; heart (in cards)

Example Sentences

tā huà le yī gè hóng xīn

她画了一个红心。

She drew a red heart.

wǒ shǒu lǐ yǒu yī zhāng hóng xīn sān

我手里有一张红心三。

I have a three of hearts in my hand.

hóng xīn dài biǎo ài qíng hé rè qíng

红心代表爱情和热情。

The red heart represents love and passion.

Trace each character, then write the word on your own.

红	红	红	红	红	红	红	红	红		
心	心	心	心	心	心	心				